

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 08/4/2019.

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH – TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Xuân Vĩnh.

2. Bà Phạm Thị Ngọc Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2018/TLST-HNGĐ, ngày 06/12/2018, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06/3/2019 và Thông báo mở lại phiên tòa phiên tòa số: 04/TB-TA, ngày 22/3/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn 2, xã G, huyện T, tỉnh B. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị **Đoàn Thị Thanh T**, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn 5, xã N, huyện T, tỉnh B. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – anh Nguyễn Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn, chị T về sống với gia đình anh S được một năm thì ra ở riêng. Từ khi ra riêng thì vợ chồng anh S thường xảy ra mâu thuẫn, chị T không ở với anh S mà bỏ đi cùng người đàn ông khác. Đến năm 2016, chị T về nhà cha mẹ ruột tại xã N ở và không sống với anh S nữa, từ đó vợ chồng

anh S ly thân cho đến nay. Mặc dù anh S và gia đình nhiều lần liên lạc để khuyên chị T về giải quyết chuyện gia đình nhưng chị T vẫn từ chối. Hiện nay anh S không còn tình cảm với chị T nữa và cũng không muốn đoàn tụ chung sống mà yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh S và chị T có 01 người con chung tên Nguyễn Văn T, sinh năm 2014. Hiện nay cháu T đang ở với anh S. Khi ly hôn, anh S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung cho đến khi thành niên, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ anh S cung cấp: Giấy đăng ký kết hôn (Bản chính); Giấy khai sinh con (Bản sao); Sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân (Bản sao).

Bị đơn - chị Đoàn Thị Thanh T vắng mặt. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án thể hiện: bị đơn – chị Đoàn Thị Thanh T có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn 5, xã N, huyện T; mặc dù đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của anh S và Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng chị T vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên Tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Sáu đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ đương sự. Riêng bị đơn - chị T không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật dân sự tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 146, 147, 203, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn S. Về con chung: Giao người con chung Nguyễn Văn T, sinh năm 2014 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn chị T vắng mặt không rõ lý do. Mặc dù Tòa án đã triệu tập, niêm yết hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên Tòa đến lần thứ hai nhưng chị T vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn S và chị Đoàn Thị Thanh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, vợ chồng anh S có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T vào năm 2014. Tại phiên tòa, anh S vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với chị T. Bởi vì sau khi kết hôn, anh S và chị T chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm; giữa vợ chồng không có sự quan tâm, yêu thương nhau, dẫn đến những mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng; anh S hiện nay không còn tình cảm gì với chị T, vợ chồng đã không chung sống với nhau từ năm 2016 đến nay nên anh S không mong muốn vợ chồng đoàn tụ chung sống mà cương quyết ly hôn. Điều này phù hợp với kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh S tại địa phương. Trong khi đó, quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã thông báo cho chị T biết việc anh S làm đơn yêu cầu ly hôn nhưng chị T không hợp tác, không thực hiện quyền cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Tòa án không thể tiến hành hoà giải đoàn tụ được mà phải đưa vụ án ra xét xử công khai. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân của anh S và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh S được ly hôn với chị T theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa là có căn cứ; phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh S và chị T có 01 người con chung tên Nguyễn Văn T, sinh năm 2014. Hiện nay cháu T đang ở với anh S. Khi ly hôn, anh S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T cho đến khi thành niên và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện tại cháu T đang có cuộc sống ổn định với anh S, được cho học hành và chăm sóc đầy đủ. Từ khi chị T đi nơi khác sống và để cháu T lại cho anh S nuôi thì chị T không về thăm con, trong khi đó anh S vẫn đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T. Do đó cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Văn T, sinh năm 2014 cho anh S nuôi dưỡng cho đến khi thành niên theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Anh S không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203; điểm b khoản 2 Điều 227; các Điều 228, 273 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn S được ly hôn với chị Đoàn Thị Thanh T.

- *Về con chung:* Anh Nguyễn Văn S được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung tên Nguyễn Văn T, sinh năm 2014 cho đến khi thành niên. Chị Đoàn Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh S nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con, anh S không được ngăn cản.

- *Về án phí:* Anh Nguyễn Văn S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0012981 ngày 06/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh Nguyễn Văn S đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 08/4/2019. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai. (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự h. T;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Hạ Hải Hồ